

Tác động của lý luận văn học nước ngoài đối với lý luận văn học Việt Nam

Tailieu.vn

ho tới nay, dù ở mức độ nhiều hay ít, cách diễn đạt thể hiện có khác nhau, có lẽ không ai phủ nhận vai trò tích cực đáng kể của lý luận văn học nước ngoài đối với lý luận văn học Việt Nam.

Điều đó có thể thấy rõ từ trong lịch sử văn học Việt Nam suốt thế kỉ XX đến những năm đầu của thế kỉ này. Nửa đầu thế kỉ XX, trong một hoàn cảnh éo le của số phận, trong cuộc tiếp xúc đứn đau, nhọc nhằn (không thể có giao lưu, đối thoại) với văn học nước ngoài (chủ yếu là văn học Pháp và văn học các nước phương Tây thông qua tiếng Pháp), văn học Việt Nam hiện đại và nền lý luận văn học Việt Nam hiện đại đã ra đời và phát triển, cùng lúc tham khảo học tập và tiếp thu tinh hoa, rút kinh nghiệm cho mình từ thực tế của mấy thế kỉ văn chương Pháp, cũng như văn học Pháp

đương đại. Việc tiếp nhận những kiến thức từ lý luận văn học nước ngoài không phải là dễ dàng, nhưng thực tế có thể thấy dấu ấn khắp nơi: từ cách giới thiệu những tri thức mới, đến phương pháp giải quyết một vấn đề, tham khảo tư liệu cho các công trình, tiếp thu ý tưởng để thực hiện trong các cuộc tranh luận...

Ngay từ năm 1904, từ những dòng đầu tiên trong bài Văn minh tân học sách, để nói rõ ý của mình, nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục đã viện dẫn đến một câu nói của nhà học giả phương Tây: “*Văn minh không phải là có thể mua bằng giá trị mà thôi, mà còn phải mua bằng đau khổ nữa*”. Trên cơ sở tham khảo các kinh nghiệm của “người Âu” trên nhiều lĩnh vực các tác giả đã tìm ra bốn “nguyên nhân khởi điểm” dẫn đến sự trì trệ của nước nhà, trong đó, ba nguyên nhân đầu tiên có thể gợi ý cho chúng ta nhiều điều trong hoàn cảnh tiếp nhận những tri thức hiện đại nước ngoài hiện nay: “*Một là khởi ở cái điểm nội hạ, ngoại di, không thềm hỏi đến chính thuật và kĩ năng của các nước khác. Hai là khởi ở cái điểm quý đạo vương, khinh đạo bá, không thềm giảng đến cái học phú cường cơ xảo của nước ngoài. Ba là khởi ở điểm cho xưa là phải, nay là quấy, không chịu xem xét kiến thức và những sự suy nghĩ bàn luận của người sau (chúng tôi nhấn mạnh, L.P.T)*”. Tiếp theo là một kết luận rất đáng được lưu tâm: “*Thành thử mấy nghìn năm nay, văn minh tiến hóa của ta mới có cái tính tĩnh mãi mà không có cái tính động mãi. Thiệt cũng đáng ngậm ngùi buồn bã vậy!*”(1).

Hướng về những kinh nghiệm học thuật ở nước ngoài để học hỏi, tham khảo, từ những năm đầu thế kỉ XX, trên các báo, tạp chí đã xuất hiện nhiều bài giới thiệu thành tựu của triết học, mỹ học, lý luận văn học phương Tây nói chung, nước Pháp nói riêng để rồi từ đó liên hệ tới Việt Nam. Đó có thể là các bài viết hoặc bài dịch trên tạp chí Nam Phong: *Bàn về văn minh học thuật nước Pháp* (số 1, 7-1917), *Về nghệ thuật bi kịch (Sur l'art dramatique)*, (số 6, 12-1917), loạt bài *Mấy nhời bàn về mỹ học I, II, III* (số 6, 7-1917; số 8, 2-1918), loạt bài *Triết học nước Pháp I, II, III, IV, V, VI* các số từ tháng 2 đến tháng 8-1918, *Lịch sử nghệ diễn kịch ở Pháp* (số 35, 5-

1920), *Nghề phê bình văn học ở nước Anh* (số 51, 9-1921), loạt bài *Chúng ta cần phải làm gì để khuyến khích các nhà thơ và các nghệ sĩ trau dồi cái đẹp* (nguyên văn: *Que devons – nous faire pour encourager les poètes et les artistes à cultiver le beau*) (số 60, 7-1922; số 61, 7-1922, số 62, 8-1922), *Suy nghĩ về nghệ thuật viết và nền văn học anamit mới* (nguyên văn: *Réflexion sur l'art d'écrire et la nouvelle littérature annamite*) (số 72, 6-1923), *Trách nhiệm của nhà văn* (nguyên văn: *La responsabilité de l'écrivain*), (số 90, 12-1924)..., trên tạp chí *Thanh Nghị: Nghệ thuật phê bình* (số 16, 1.8.1942), *Danh văn ngoại quốc: Tư tưởng về nghệ thuật* (nhiều kì, từ số 25, 16.11.1942), *Văn chương phê bình và văn học sử* (số 106, 10.3.1945)...; trên tạp chí *Tri tân: Phê bình văn học* (số 28, 19.12.1941) v.v...

Vào những năm 30 của thế kỉ XX đã xảy ra cuộc tranh luận sôi nổi giữa hai phái “nghệ thuật vị nhân sinh” và “nghệ thuật vị nghệ thuật”. Đó là một cuộc tranh luận lí thú, nêu lên nhiều vấn đề quan trọng của lý luận văn học nước nhà, kéo dài trong nhiều năm. Chủ soái của hai phái là Hải Triều và Hoài Thanh, các trí thức “Tây học”, đã khai thác trong vốn tri thức phong phú của nước ngoài những điều cần cho mình, dùng cho cuộc tranh luận nói riêng, cho sự nghiệp lý luận nói chung.

Bản lĩnh ngòi bút Hải Triều với tư cách là người chiến sĩ cách mạng được thể hiện rõ trong việc tiếp xúc với văn học, văn hóa Pháp, vào thời kì nước ta còn đang dưới ách thực dân Pháp, tiếng Pháp bị coi là tiếng của “Tây”, văn học Pháp, trước tiên, cũng thường bị xếp vào “phía bên kia”. Thế nhưng, Hải Triều đã khai thác triệt để và khéo léo những kiến thức từ nền văn học, văn hóa Pháp: từ những khái niệm, các thuật ngữ được ông cẩn thận để nguyên xuất xứ “chữ Tây”, đến tên gọi các trường phái còn rất xa lạ lúc bấy giờ như “duy tâm luận”, “chủ nghĩa duy mỹ”, “chủ nghĩa cảm dục” “tả thực xã hội” v.v... Đặc biệt là những quan niệm cơ bản dùng trong các cuộc tranh luận: “nghệ thuật vị nghệ thuật”, “nghệ thuật vị nhân sinh”, “nghệ thuật là một cái sản vật của sự sinh hoạt xã hội”, “triết học là khoa học của

những khoa học” v.v... Nhiều quan điểm của các nhà văn Pháp như Diderot, Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Balzac, Hugo, Taine... đã được Hải Triều nêu lên để bổ sung hay giải thích cho các ý tưởng của mình. Những vấn đề bức thiết liên quan đến một nền “nghệ thuật vị nhân sinh”, nền văn học cách mạng đã được Hải Triều nêu lên trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm không chỉ từ văn học Pháp, mà còn từ văn học Nga, không chỉ vốn kiến thức từ văn học mấy trăm năm của nước ngoài, mà cả từ nền văn học đương đại. Trong bài viết về H.Barbusse khi nghe tin nhà văn Pháp từ trần tại Matxcova năm 1935, Hải Triều đã khẳng định sự bất tử của nhà văn chiến sĩ gắn sự nghiệp văn chương với sự nghiệp cách mạng, với nhân loại cần lao trên thế giới, đồng thời nhắc lại nhiệm vụ của người nghệ sĩ trước thời cuộc phải đem hết tài năng của mình tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng cho cả nhân loại đang khổ sở cần lao. Còn trong bài viết về nhà văn R.Rolland (cả hai bài trong cuốn Về văn học nghệ thuật) Hải Triều đã ngợi ca Rolland, đánh giá cao sự kiện Rolland “đã đem cái đầu tóc hoa râu với một bầu máu nóng gia nhập vào chiến tuyến của bình dân”, coi đó là một tiêu chuẩn quan trọng đánh giá sự nghiệp của nhà nghệ sĩ, đồng thời nêu cao gương sáng cho “các ông văn sĩ ở nước mình”.

Năm 1936, nhóm tác giả Hoài Thanh, Lê Tràng Kiều, Lưu Trọng Lư đã xuất bản Văn chương và hành động(2). Cuốn sách nhỏ, chưa đầy 100 trang, nhưng chứa đựng nhiều thông tin thú vị. Ngay dưới tit sách có dòng chữ Thay lời tuyên ngôn của văn phái phương Đông, sách do Nhà xuất bản phương Đông ấn hành. Những nội dung trong “lời tuyên ngôn” đó đã có chỗ dựa chắc chắn, đó là tri thức của cả phương Đông và phương Tây. Các tác giả nhắc đến đạo Phật, thơ Đường, thơ Tống, đến nhà thơ Lí Bạch, một thi sĩ ẩn Độ, Truyện Kiều và Nguyễn Du. Đồng thời họ đã “mượn nhờ” của các tác giả phương Tây để “bàn luận về văn chương”. Trước hết, đó là lời đề từ của Pierre Abraham, “người đứng chủ trương hai tập XVI và XVII nói về Nghệ thuật và Văn chương trong bộ *Encyclopédie française*: “Loài người đã có lúc không cần đến chính quyền, không cần đến buôn bán, cày bừa, chăn nuôi, giao thông hay nghiên cứu về khoa học. Nhưng loài người chưa khi

nào không cần ca hát hay nghe ca hát, kể chuyện hay nghe kể chuyện, nhảy múa hay xem nhảy múa". Theo giọng các ý tưởng của cuốn sách, người đọc có dịp được tiếp xúc với kinh nghiệm từ xã hội và văn chương của các nước Đức, Nga, Pháp, với những tên tuổi nhà tư tưởng, nhà văn nổi tiếng như Pasteur, Einstein, Alfred de Vigny, Goethe. Rõ ràng những tri thức rút ra từ thực tế của nước ngoài đã giúp các tác giả của cuốn sách nói lên được ý mình, diễn giải và chứng minh, chia sẻ với bạn đọc những điều cần bàn luận. Phần Phụ lục của cuốn *Văn chương và hành động* chiếm non nửa phần cuốn sách bao gồm hai bài: trích dịch Tựa quyển *Lá thư của Victor Hugo* (do Lưu Trọng Lư dịch), bài diễn văn của André Gide đọc ngày 22.6.1935 tại Hội nghị quốc tế các nhà văn (do Hoài Thanh dịch và viết lời bình). Cả hai bài dịch đều có mục đích rõ ràng, bài *Tựa tập Lá thư là để "chứng" cho quan niệm về "một nhà văn xã hội"* theo kiểu Hugo, còn bài Diễn văn của André Gide là "để trả lời những người đã trách Hoài Thanh trích văn Gide mà không thể theo bản ý của toàn văn". Nói một cách khác, hai nhà văn Pháp, một người của thế kỉ XIX, người kia là đương thời, vô tình đã được kéo vào cuộc tranh luận kéo dài nổi tiếng ở đầu thế kỉ XX ở Việt Nam, liên quan đến những vấn đề sống còn trong lý luận văn học(3).

Cho đến trước thời điểm năm 1945, đã có hàng loạt công trình nghiên cứu, lý luận văn học ra đời. Trải qua hơn một nửa thế kỷ, cho đến nay các cuốn sách đó vẫn là những tư liệu quý báu cho những ai theo dõi sự nghiệp văn chương nói chung, sự nghiệp nghiên cứu lý luận văn học nói riêng: Thi nhân Việt Nam (1942), Nhà văn hiện đại (1942-1943), *Việt Nam Văn học sử yếu* (1944), *Văn học khái luận* (1944). Nghiên cứu tiểu sử tác giả của các cuốn sách ấy chúng ta được biết họ đều giống nhau một điểm: họ đều là trí thức "tây học" (Hoài Thanh và Vũ Ngọc Phan đỗ "tú tài tây", còn Dương Quảng Hàm và Đặng Thai Mai tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm). Điều đáng chú ý ở đây là họ đều xuất thân từ gia đình nho học. Đó chính là điều kiện thuận lợi để họ có thể tiếp thu khối tri thức khổng lồ từ phương Tây tràn qua, chọn lọc những gì hợp với tạng của mình, nhu cầu của mình (của cá nhân và xã hội đương thời) để viết thành những cuốn

sách “để đời”. Các nhà lý luận phê bình cùng thế hệ của các ông đã mỗi người một cách, góp sức mình vào công việc hiện đại hóa văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX bằng những cố gắng phi thường, lòng yêu mến văn chương dân tộc và bằng “lương vốn” Đông Tây kết hợp một cách nhuần nhị.

Những nỗ lực nhằm du nhập và tham khảo lý luận văn học nước ngoài của lý luận văn học Việt Nam đã được tiếp tục suốt nửa sau của thế kỉ XX. Cùng với những biến đổi trọng đại của đất nước trên bình diện chính trị xã hội, lịch sử và những yêu cầu cấp thiết của một đất nước liên tục có chiến tranh, việc tiếp nhận các thành tựu lý luận văn học nước ngoài đã chuyển sang một kênh khác. Trong khoảng vài thập kỷ, chúng ta chỉ có thể chọn lựa về cơ bản là những tác phẩm lý luận của Liên Xô và một số nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Từ hệ thống sách giáo khoa cho các trường Đại học đến các tác phẩm nghiên cứu, phê bình, lý luận, chúng ta đều lấy khuôn mẫu từ Liên bang Xô viết. Rõ nhất qua mảng sách dịch. Hàng loạt sách lý luận của Liên Xô và theo quan điểm các nhà lý luận Xô viết đã được dịch sang tiếng Việt, được công bố tại nhiều nhà xuất bản khác nhau. Chúng thực sự đóng vai trò “kim chỉ nam” cho lý luận văn học của nước nhà. J. Fréville: *Marx, Engels, Lênin và văn học nghệ thuật*, Nxb. Sự thật, 1962; *Nguyên lý mỹ học Mác – Lênin*, Nxb. Sự thật, 1963; *M. Gorki và văn học nghệ thuật*, Nxb. Văn học, 1965; K. Marx, F. Engels, V. Lenin: *Về văn học nghệ thuật*, Nxb. Sự thật, 1977; V. Lenin: *Bàn về văn hóa văn học*, Nxb. Văn học, 1977; M. Khrapchenko: *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, Nxb. KHXH, 1978; *M. Arnaudov: Tâm lý học sáng tạo văn học*, Nxb. Văn học, 1978; M. Gulaiev: *Lý luận văn học*, Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1982; *B. Suskov: Số phận lịch sử của chủ nghĩa hiện thực (2 tập)*, Nxb. Tác phẩm mới, 1980-1982; *L. Vurgotski: Tâm lý học nghệ thuật*, Nxb. KHXH, 1981; G. Pospelov (chủ biên): *Dẫn luận nghiên cứu văn học (2 tập)*, Nxb. Giáo dục, 1985; A. Botsarov: *Cuộc tìm tòi vô tận*, Nxb. Tác phẩm mới, 1988 v.v...

Không thể phủ nhận được những tác động tích cực từ khối tri thức đồ

sộ của các thế hệ những nhà lý luận văn học Xô viết đối với nền lý luận văn học Việt Nam. Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang Đội ngũ các nhà lý luận văn học ngày càng phát triển từ nguồn đào tạo trực tiếp từ Liên Xô (bậc Đại học, bậc sau Đại học: Phó Tiến sĩ và Tiến sĩ khoa học), các thực tập sinh. Kể cả những người không có điều kiện học tập tại Liên Xô cũng vượt qua bao khó khăn để tự đào tạo trong nước, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền lý luận văn học nước nhà.

Cùng với những thay đổi có tính chất cách mạng ở Việt Nam vào thời kỳ Đổi mới và tiếp theo là sự sụp đổ của Liên xô và các nước Đông Âu, một lần nữa đời sống học thuật nước nhà bước vào một giai đoạn mới: cởi mở hơn, tầm nhìn được mở rộng hơn. Trong thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, ngoài các bài giới thiệu hoặc dịch trên các báo và tạp chí chuyên ngành như Văn nghệ, Nhà văn, Tạp chí Văn học, Tạp chí thông tin KHXH (Viện Thông tin KHXH), đặc biệt trên Văn học nước ngoài, bạn đọc còn có dịp tiếp xúc với nhiều kênh thông tin khác nhau về các trường phái, trào lưu lý luận văn học nước ngoài. Mảng sách nghiên cứu có *Các vấn đề khoa học của văn học* (Trương Đăng Dung chủ biên, 1990); *Từ kí hiệu học đến thi pháp học* của Hoàng Trinh (1992); *Triết học và mỹ học phương Tây hiện đại* (Nguyễn Hào Hải chủ biên, 1992); *Tìm hiểu lý luận văn học phương Tây hiện đại* (1995) và *Mười trường phái lý luận văn học phương Tây đương đại* (1998) của Phương Lưu; *Từ văn bản đến tác phẩm văn học của Trương Đăng Dung* (1998); *Nghiên cứu văn học, lý luận, lý luận và ứng dụng của Nguyễn Văn Dân* (1998) v.v... Song song với các sách nghiên cứu là mảng sách dịch lý luận văn học với mục đích giới thiệu nguyên gốc các thành tựu lý luận văn học nước ngoài. Nếu như ở mấy thập kỉ 60, 70, 80 hầu như chỉ có sách lý luận văn học Xô viết được dịch ra tiếng Việt thì vào những năm 90 khối lượng thông tin được “quét” trên nhiều bình diện khác: *Alain Robbe – Grillet và sự đổi mới tiểu thuyết* (Lê Phong Tuyết giới thiệu và dịch, 1993); *Phê bình văn học Pháp thế kỉ XX* (Lộc Phương Thủy chủ biên, 1995); *Phê bình, bình luận văn học London, Twain, Hemingway* (Vũ Tiến Quỳnh, 1995); *Octavio Paz: Thơ văn và tiểu luận* (Nguyễn Trung Đức dịch,